



TÓM TẮT BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI

LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

(Lần thứ tư)

Hà Nội, tháng 12/2022

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Giang và Trung tâm Nghiên cứu quản trị tài nguyên vùng cao (CEGORN) đã tổ chức các cuộc trao đổi với các bên liên quan trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Quảng Bình nhằm thúc đẩy thực thi Luật Tiếp cận thông tin (TCTT). Đây là cơ hội để Nhóm nghiên cứu tìm hiểu việc thực thi Luật này trên địa bàn hai tỉnh.

Đặc biệt, xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, chuyên viên, công chức thuộc các cơ quan nhà nước; lãnh đạo và cán bộ thuộc các tổ chức chính trị - xã hội; và người dân trên địa bàn các tỉnh Hà Giang, Quảng Bình đã dành thời gian trao đổi và cung cấp thông tin cho Nhóm nghiên cứu. Nghiên cứu đánh giá này sẽ không thể hoàn thành nếu không có sự tham gia của họ.

| NHÓM NGHIÊN CỨU

01

LÝ DO THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Luật về quyền thông tin được xem là một trong những luật quan trọng nhất của mỗi quốc gia. Việc thực hiện luật quan trọng này sẽ có những tác động tích cực đến cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Cụ thể, góp phần tăng hiệu quả quản trị nhà nước, củng cố mối quan hệ và niềm tin giữa người dân và doanh nghiệp vào các cơ quan nhà nước, cũng như tác động tích cực đến sự tuân thủ pháp luật của các bên. Để thực hiện tốt luật này, không thể thiếu vai trò thúc đẩy và phản biện của các cơ quan báo chí, các tổ chức xã hội và người dân.

Ở Việt Nam, Luật Tiếp cận thông tin (TCTT)¹ được Quốc hội thông qua ngày 06/4/2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018. Luật TCTT có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cụ thể hóa quyền công dân² được quy định tại Điều 25 Hiến pháp 2013 và các cam kết quốc tế về tự do thông tin, phòng chống tham nhũng. Luật này cũng quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong bảo đảm quyền TCTT của công dân. Đặc biệt, đây là luật quy định các nguyên tắc, thủ tục và quy trình³ để các cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2022, các tổ chức gồm Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW), Liên minh Đất rừng (FORLAND), Liên minh Khoáng sản (LMKS), Liên minh Nước sạch (LMNS), Viện Nghiên cứu chính sách và Phát triển truyền thông (Viện IPS) (sau đây gọi là Nhóm nghiên cứu) đã triển khai đánh giá việc thực thi Luật TCTT lần thứ tư^{4,5,6}. Đánh giá được thực hiện nhằm cập nhật những văn bản tuy phạm pháp luật (VBQPPL) có liên quan đến bảo đảm quyền TCTT của công dân được ban hành trong giai đoạn từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2022. Đánh giá cũng được thực hiện để so sánh sự thay đổi trong việc thực hiện Luật TCTT với đánh giá lần thứ hai và lần thứ ba.

Tương tự ba lần đánh giá trước đây, đánh giá lần thứ tư được thực hiện cũng nhằm thúc đẩy

⁴ Đánh giá lần thứ nhất được CEPEW, FORLAND, LMKs, LMNS và Oxfam thực hiện từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2019 tại Quảng Bình, Hà Giang và Đà Nẵng. Kết quả đánh giá được công bố vào tháng 3/2019 và gửi tới một số cơ quan nhà nước có liên quan.

⁵ Đánh giá lần thứ hai được CEPEW, FORLAND, LMKs, LMNS, Mạng lưới các tổ chức xã hội khu vực miền núi phía Bắc (NORTHNET), Tổ chức Oxfam và Tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam thực hiện từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2020 tại 08 tỉnh, thành phố gồm Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên, Sơn La, Quảng Bình, Quảng Trị và Đà Nẵng là những tỉnh mà các tổ chức và mạng lưới đã xây dựng mô hình thực thi Luật TCTT. Kết quả đánh giá được công bố vào tháng 02/2020 và gửi tới một số cơ quan nhà nước có liên quan ở cấp TW và địa phương.

⁶ Đánh giá lần thứ ba được CEPEW, FORLAND, LMKs, LMNS và Tổ chức Oxfam thực hiện từ tháng 2 đến tháng 9 năm 2021 trên phạm vi toàn quốc. Trong đó, khảo sát thực địa được thực hiện tại 02 tỉnh Sơn La và Quảng Bình. Kết quả đánh giá được công bố vào tháng 9/2021 và gửi tới một số cơ quan nhà nước có liên quan ở cấp TW và cấp tỉnh

¹ Luật số 104/2016/QH13 do Quốc hội thông qua ngày 6/4/2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018

² Xem Điều 1 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

³ Xem Điều 1 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội tìm hiểu Luật TCTT để hiểu rõ hơn vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Trên cơ sở đó, Nhóm nghiên cứu đề xuất những khuyến nghị để thực thi Luật TCTT hiệu quả hơn.

Song song với tiến trình đánh giá lần thứ tư, CEPEW đã phối hợp cùng Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) thực hiện **“Đánh giá việc công khai kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và bảng giá đất cấp tỉnh”** và phối hợp cùng Viện IPS thực hiện **“Đánh giá nhu cầu thực thi Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP⁷ tại tỉnh Hà Giang”**. Do đó, một số kết quả chính của hai đánh giá cũng được tổng hợp vào báo cáo này để có một bức tranh tổng thể hơn về tình hình thực thi Luật TCTT, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin trên môi trường số của một số nhóm dễ bị tổn thương.

Thực hiện đánh giá lần thứ tư, Nhóm Nghiên cứu tiếp tục áp dụng **Bộ chỉ số** theo dõi và đánh giá việc thực hiện quyền TCTT tại Việt Nam⁸ và **Bảng kiểm** liệt kê 09 nội dung công việc mà mỗi cơ quan nhà nước là chủ thể cung cấp thông tin cần làm theo quy định của Luật TCTT⁹ để khảo sát việc triển khai Luật

TCTT của 373 cơ quan nhà nước¹⁰. Bộ chỉ số và Bảng kiểm được áp dụng cho cả bốn nhóm phương pháp đánh giá. Cụ thể:

Thứ nhất, rà soát và cập nhật các VBQPPL, chương trình/đề án của Chính phủ, chương trình giám sát năm 2022 của Quốc hội và HĐND của 8 tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, Nhóm nghiên cứu cũng rà soát một số mô hình, dự án, sáng kiến do các đối tác phát triển và các tổ chức xã hội phối hợp cùng các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội triển khai thí điểm trên địa bàn một số tỉnh.

Thứ hai, tiến hành trao đổi thông qua thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu với 61 người (29 nữ và 32 nam) là đại diện của 12 cơ quan nhà nước, 4 tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, xã và người dân trên địa bàn các tỉnh Quảng Bình và Hà Giang.

Thứ ba, rà soát trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của 360¹¹ cơ quan nhà nước ở Trung ương (TW) và địa phương, trong đó có rà soát hạ tầng cung cấp thông tin và thực hiện cung cấp thông tin cho người cao tuổi, người khuyết tật và người không thành thạo tiếng Việt phổ thông.

7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

8 Bộ chỉ số được xây dựng ở lần đánh giá thứ nhất

9 Bảng kiểm được xây dựng ở lần đánh giá thứ hai dựa trên các quy định của Luật TCTT và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP

10 Gồm 27 cơ quan nhà nước cấp Trung ương; UBND, Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc 63 tỉnh, thành phố và 81 cơ quan nhà nước khác trên địa bàn 08 tỉnh, thành phố gồm Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên, Sơn La, Quảng Bình, Quảng Trị và Đà Nẵng. 11 Có 13 trong số 373 cơ quan nhà nước được đánh giá không có cổng/trang thông tin điện tử, gồm Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên; Ngân hàng Nhà nước các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên; Kho bạc Nhà nước các tỉnh Điện Biên và Bắc Kạn; Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân tỉnh và Sở Ngoại vụ tỉnh Bắc Kạn; UBND xã Mường Phăng (thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên); và UBND các xã Cam Tuyền và Cam Thành (huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị)

Thứ tư, sử dụng biểu mẫu số 01a đính kèm Nghị định 13/2018/NĐ-CP để gửi 332 yêu cầu cung cấp thông tin qua thư điện tử và 355 yêu cầu cung cấp thông qua đường bưu điện tới 373 cơ quan nhà nước ở cấp TW và địa phương.

Bảng 01 so sánh quy mô của bốn lần đánh giá. Do có sự khác biệt về quy mô khảo sát nên báo cáo không thể ghi nhận một cách toàn diện những thay đổi giữa những lần đánh giá.

Bảng 1: So sánh quy mô của bốn lần đánh giá

Nội dung so sánh	Đánh giá lần thứ nhất (T11/2018 - T2/2019)	Đánh giá lần thứ hai (T11/2019 - 2/2020)	Đánh giá lần thứ ba (T2/2021 - T9/2021)	Đánh giá lần thứ tư (T10/2021 - T12/2022)
Số tỉnh, thành phố thực hiện đánh giá tại thực địa	3	8	2	2
Số lượng người cung cấp thông tin thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tại thực địa	45	251	96	61
Số cơ quan nhà nước cung cấp thông tin tại thực địa	8	60	14	12
Số tổ chức chính trị - xã hội cung cấp thông tin tại thực địa	01	11	3	4
Số cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử được rà soát	35	245	324	360
Số cơ quan nhà nước được gửi phiếu yêu cầu cung cấp thông tin	4	241	315	373
Rà soát hạ tầng cung cấp thông tin	8	60	7	12
Rà soát tài liệu và một số trường hợp điển hình	Có áp dụng	Có áp dụng	Có áp dụng	Có áp dụng

02

MỘT SỐ PHÁT HIỆN CHÍNH

2.1. Một số yếu tố thúc đẩy thực thi Luật TCTT trong giai đoạn đánh giá

Qua quá trình nghiên cứu tài liệu thứ cấp và làm việc với các bên liên quan khác nhau trong giai đoạn từ tháng 02 đến tháng 11 năm 2022, Nhóm nghiên cứu nhận thấy có một số yếu tố sau tiếp tục được xem là động lực thúc đẩy thực thi Luật TCTT một cách hiệu quả hơn.

i) Quốc hội thông qua Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được Quốc hội Khoá XV thông qua ngày 10/11/2022¹². Trong đó, có ghi nhận quyền của công dân [được] công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật¹³. Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp xã phải công khai 13 nội dung thông tin và những nội dung khác theo quy định của pháp luật¹⁴. Luật này cũng quy định cụ thể 08 hình thức công khai thông tin, bên cạnh các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật¹⁵. Trong đó, có các hình thức công khai trên môi trường số như cổng/trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã hay thông qua

mạng xã hội được hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm tổ chức công khai thông tin [dựa trên một số quy định của Luật TCTT] được giao cho Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã.¹⁶

ii) Chính phủ thúc đẩy cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

Ngày 24/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2022 và thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP¹⁷. Mục tiêu ban hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP nhằm i) Khắc phục những tồn tại, hạn chế về hoạt động cung cấp thông tin như giao diện truy cập thiếu tính thân thiện với người dân, thể thức cung cấp thông tin chưa đồng nhất, khả năng tương tác hai chiều giữa cơ quan nhà nước với người dân và truy cập trên thiết bị di động còn hạn chế; và ii) Bảo đảm tương thích với các quy định tại các VBQPPL có liên quan, đặc biệt là Luật TCTT. Nghị định cũng yêu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông.

12 Luật số 10/2022/QH15

13 Xem Khoản 1 Điều 5 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

14 Xem Điều 11 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

15 Xem Điều 12 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

16 Xem Điều 14 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

17 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

Trên cơ sở Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, ngày 04/10/2022 Bộ Thông tin và Truyền thông (TT và TT) đã ban hành Công văn số 4946/BTTTT-CĐSQG hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai Nghị định này. Trong đó, ban hành một số chỉ tiêu đo lường về việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

iii) Nỗ lực của một số đối tác phát triển và các tổ chức xã hội

Kể từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2022, một số đối tác phát triển như Liên minh Châu Âu (EU), Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc, Đại sứ quán Ai-len, UNDP và tổ chức Oxfam phối hợp cùng các tổ chức xã hội Việt Nam tiếp tục triển khai các mô hình thúc đẩy thực thi Luật TCTT, thúc đẩy công khai và minh bạch thông tin trong lĩnh vực ngân sách và tài nguyên, môi trường. Dưới đây là một số mô hình và nỗ lực thúc đẩy thực thi Luật TCTT:

- UNDP phối hợp cùng CEPEW triển khai **“Đánh giá việc công khai kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và bảng giá đất cấp tỉnh”**. Kết quả đánh giá đã được công bố vào tháng 7/2022 và được gửi tới các đại biểu Quốc hội nhằm góp ý cho việc sửa đổi những điều khoản liên quan đến công khai thông tin đất đai của Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể, góp ý cho việc sửa đổi những điều khoản liên quan đến công khai thông tin đất đai.
- LMNS, LMKS và FORLAND hỗ trợ triển khai Luật TCTT và thúc đẩy tiếp cận thông

tin đất rừng, khai khoáng và nguồn nước trên địa bàn tỉnh Sơn La¹⁸, Hà Giang¹⁹ và Quảng Bình²⁰. Trên cơ sở đó, một vài cơ quan trên địa bàn 3 tỉnh đã thực hiện một số trong 9 công việc mỗi cơ quan nhà nước cần làm theo quy định của Luật TCTT. Bên cạnh đó, người dân và một số nhóm cộng đồng đã thực hành yêu cầu cơ quan nhà nước cấp xã cung cấp thông tin liên quan đến dự án khai khoáng, đất rừng hay thông số về nguồn nước trên địa bàn các tỉnh này.

- Liên minh Minh bạch ngân sách (BTAP) đã áp dụng Luật TCTT vào việc đánh giá mức độ công khai thông tin ngân sách trên phạm vi cả nước và thúc đẩy các cơ quan nhà nước cung cấp thông tin ngân sách theo yêu cầu của công dân.
- CEPEW phối hợp cùng Viện IPS triển khai mô hình thực thi Luật TCTT và Nghị định 42/2022/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Theo đó, hai tổ chức đã phối hợp cùng một số sở, ngành và tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn phổ biến hai VBQPPL này tới đội ngũ công chức, cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và người dân trên địa bàn xã Minh Sơn và thị trấn Yên Phú (huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang). Trên cơ sở đánh giá nhu cầu của địa phương, CEPEW đã hỗ trợ trang thiết bị (máy tính và máy scan) và

18 Thí điểm ở Thành phố Sơn La và một số phường trên địa bàn thành phố Sơn La

19 Thí điểm đối với Sở Tư pháp và UBMTTQVN tỉnh Hà Giang, UBND các huyện Bắc Mê và Bắc Quang, UBND xã Minh Sơn và UBND thị trấn Yên Phú

20 Thí điểm tại huyện Bố Trạch và xã Xuân Trạch (thuộc huyện Bố Trạch)

hướng dẫn để 06 cơ quan, tổ chức²¹ thực hiện những công việc mà mỗi cơ quan nhà nước với vai trò là chủ thể công khai và cung cấp thông tin cần làm theo yêu cầu của Luật TCTT.

- Hội Truyền thông số phối hợp cùng Viện IPS tổ chức hội thảo quốc gia bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến để giới thiệu Nghị định số 42/2022/NĐ-CP cũng như chia sẻ một số kết quả, thuận lợi và khó khăn của các bên liên quan trong cung cấp thông tin trên môi trường số.

2.2. Một số kết quả đạt được trong thực thi Luật TCTT

Qua đánh giá lần thứ tư, Nhóm nghiên cứu ghi nhận một số kết quả nhất định trong triển khai thực thi Luật TCTT như dưới đây trên cơ sở so sánh với đánh giá lần thứ hai và lần thứ ba.

1) Công khai quy chế, đầu mối cung cấp thông tin và thiết lập chuyên mục tiếp cận thông tin, danh sách thông tin phải công khai

Việc công khai quy chế cung cấp thông tin cho công dân, đầu mối cung cấp thông tin, thiết lập chuyên mục tiếp cận thông tin và danh mục thông tin phải công khai được rà soát thông qua cổng/trang thông tin điện tử của 360 cơ quan nhà nước. Bảng 2 cho thấy, tùy theo từng hạng mục, tỷ lệ cơ quan nhà nước ở TW và địa phương thực hiện các hạng mục này cao hơn ít nhiều so với lần đánh giá thứ hai và thứ ba. Hết tháng 9/2022, Nhóm

nghiên cứu chỉ tìm thấy quy chế cung cấp thông tin của 18,3% (n = 66) cơ quan, đầu mối cung cấp thông tin của 18,3% (n = 66) cơ quan, chuyên mục TCTT của 21,4% (n = 77) cơ quan và danh mục thông tin phải công khai của 11,1% (n = 40) cơ quan trong số 360 cơ quan kể trên. Tuy nhiên, chưa có cơ quan nào trong số 360 cơ quan nhà nước được rà soát thực hiện một cách toàn diện các yêu cầu về công khai quy chế và đầu mối cung cấp thông tin cũng như thiết lập chuyên mục tiếp cận thông tin và danh mục thông tin phải công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của mình.

Chuyên mục TCTT trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Bến Tre tiếp tục là chuyên mục đầy đủ các nội dung nhất trong số 360 cổng/trang thông tin điện tử được rà soát. Bao gồm, các bước hướng dẫn công dân tìm kiếm thông tin, đầu mối cung cấp thông tin, các biểu mẫu để công dân thực hiện yêu cầu và cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân²², danh mục thông tin phải công khai được thiết kế theo Điều 19 Luật TCTT. Các tài liệu trong danh mục thông tin phải công khai được đăng tải tương đối kịp thời²³.

Chuyên mục TCTT trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Bắc Ninh tuy chưa được thiết kế theo yêu cầu của Luật TCTT nhưng tiếp tục là Cổng đăng tải thông tin kịp thời với hai phiên bản PDF và WORD. Thực hành này phù hợp với quy định của Thông tư số 26/2020/

21 Gồm có Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang, UBMTTQVN tỉnh Hà Giang, UBND huyện Bắc Mê, UBND huyện Bắc Quang, UBND xã Minh Sơn và UBND thị trấn Yên Phú (tỉnh Hà Giang)

22 Xem: <https://bentre.gov.vn/Lists/thongtincaibiet/Disp-Form.aspx?ID=2682> truy cập 13:10 ngày 28/11/2022

23 Xem: <https://csdl.bentre.gov.vn/van-ban> truy cập 13:10 ngày 28/11/2022

TT-BTTTT²⁴ để người khuyết tật, người cao tuổi có thể tiếp cận thông tin và người dân dễ dàng sử dụng các tài liệu được đăng tải bằng phiên bản WORD.²⁵

Một thực hành tốt khác, đó là chuyên mục TCTT do UBND xã Xuân Trạch (huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình)²⁶ và UBND xã Minh Sơn (huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang)²⁷ thiết lập. Các chuyên mục này đã bao gồm các hạng mục được quy định tại Luật TCTT như thông tin về đầu mối cung cấp thông tin, quy chế công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu, danh mục thông tin phải công khai^{28, 29}. Rà soát vào ngày 02/12/2022 cho thấy, UBND xã Minh Sơn đã đăng tải những thông tin được tạo ra vào tháng 11/2022 nhưng sắp xếp không theo thứ tự ngày được tạo ra.³⁰Trong khi đó, các thông tin do UBND và HĐND xã Xuân Trạch tạo ra và tiếp nhận được đăng tải chưa kịp thời so với lần đánh giá thứ ba. Nhóm nghiên cứu rà soát vào tháng ngày 02/12/2022 nhưng chỉ thấy những văn bản điều hành được tạo ra từ tháng 3/2022 được đăng tải³¹.

24 Thông tư số 26/2020/TT-BTTTT ngày 23/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông

25 Xem: <http://bacninh.gov.vn/danh-muc-tiep-can-thong-tin> truy cập 23:17 ngày 27/11/2022

26 Xem: <https://xuantrach.quangbinh.gov.vn/chuyen-muc-tiep-can-thong-tin> truy cập 12:10 ngày 2/12/2022

27 Xem: <https://xminhson.hagiang.gov.vn/tiep-can-thong-tin> truy cập 12:01 ngày 2/12/2022

28 Xem: <https://xuantrach.quangbinh.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/1612769132590/1618024000760> truy cập 13:16 ngày 28/11/2022

29 Xem: <https://xminhson.hagiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/news/1325738/danh-muc-thong-tin-cong-khai.html> truy cập 12:04 ngày 2/12/2022

30 Xem: <https://xminhson.hagiang.gov.vn/van-ban> truy cập 12:11 ngày 2/12/2022

31 Xem: <https://xuantrach.quangbinh.gov.vn/vb-ieu-hanh> truy cập 13:16 ngày 2/12/2022

Bảng 2: Tỷ lệ cơ quan nhà nước thực hiện một số nội dung công việc theo yêu cầu của Luật TCTT

T	Cơ quan nhà nước	Công khai đầu mối			Công khai quy chế			Lập chuyên mục TCTT			Lập danh mục thông tin phải công khai		
		Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3	Đánh giá lần 4	Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3	Đánh giá lần 4	Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3	Đánh giá lần 4	Đánh giá lần 2	Đánh giá lần 3	Đánh giá lần 4
1	Cơ quan cấp TW	37%	48,1%	48,1%	40,7%	40,7%	40,7%	22,2%	37%	37%	22,2%	33,3%	37%
2	UBND cấp tỉnh thuộc 63 tỉnh, thành phố	7,9%	11,1%	9,5%	3,2%	4,8%	3,2%	4,8%	7,9%	15,9%	4,8%	7,9%	12,7%
3	Sở Tư pháp 63 tỉnh, thành phố	20,6%	31,7%	34,9%	25,4%	31,7%	36,5%	23,8%	41,3%	47,6%	3,2%	15,9%	15,9%
4	Sở LĐ-TB-XH thuộc 63 tỉnh, thành phố	Không đánh giá	6,3%	9,5%	Không đánh giá	6,3%	7,9%	Không đánh giá	12,7%	14,3%	Không đánh giá	3,8%	4,8%
5	Sở TN&MT thuộc 63 tỉnh, thành phố	Không đánh giá	Không đánh giá	12,7%	Không đánh giá	Không đánh giá	11,1%	Không đánh giá	Không đánh giá	14,3%	Không đánh giá	Không đánh giá	4,8%
6	Các (81) cơ quan nhà nước thuộc 8 tỉnh, thành phố	6%	12%	21%	6%	13,9%	22,2%	3%	7,4%	14,8%	0%	1,9%	7,4%

ii) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân

Từ ngày 18 - 23/5/2022, Nhóm nghiên cứu đã gửi 332 yêu cầu cung cấp thông tin qua thư điện tử của 332 cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương. Trong đó, hòm thư điện tử của 19 cơ quan bị lỗi nên gửi không thành công. Trong số 313 yêu cầu cung cấp thông tin được gửi thành công qua thư điện tử, 13 cơ quan cung cấp thông tin trước khi Nhóm nghiên cứu tiến hành gửi yêu cầu cung cấp thông tin qua đường bưu điện. Vào ngày 07/6/2022, Nhóm nghiên cứu gửi 355 yêu cầu cung cấp thông tin qua đường bưu điện tới 355 cơ quan nhà nước, trong đó có các cơ quan không công bố hòm thư điện tử và không bao gồm các cơ quan đã cung cấp thông tin cho Nhóm nghiên cứu sau khi tiếp nhận yêu cầu qua thư điện tử.

Thông tin được yêu cầu bao gồm quy chế cung cấp thông tin cho công dân, báo cáo thường niên năm 2021, báo cáo kết quả công tác tư pháp năm 2021. Đây đều là những thông tin không thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin cung cấp có điều kiện. Việc yêu cầu cung cấp quy chế cung cấp thông tin cho công dân cũng nhằm mục đích thúc đẩy các cơ quan nhà nước nghiên cứu để thực thi Luật TCTT một cách hiệu quả hơn.

Kể từ ngày gửi thư, các thành viên Nhóm nghiên cứu đã ghi chép lại toàn bộ các phản hồi từ đại diện các cơ quan nhà nước. Tính đến hết ngày 30/9/2022, 41,6% (n = 155) trong số 373 cơ quan nhà nước mà Nhóm nghiên cứu gửi yêu cầu cung cấp thông tin đã phản hồi. Trong

đó, 15% (n = 56) cơ quan cung cấp thông tin, 2,9% (n = 11) cơ quan từ chối cung cấp thông tin, 21,2% (n = 88) cơ quan có đại diện liên lạc với thành viên Nhóm nghiên cứu nhưng đã không cung cấp cho đến ngày Nhóm nghiên cứu tổng hợp báo cáo này. Có 58,4% (n=218) cơ quan không phản hồi. Bảng 3 trình bày tỷ lệ cơ quan nhà nước phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin do các thành viên Nhóm nghiên cứu thực hiện ở lần đánh giá thứ tư (năm 2022) so với lần đánh giá thứ ba (năm 2021) và lần đánh giá thứ hai (năm 2020). Theo đó, các cơ quan nhà nước ở 8 tỉnh gồm Điện Biên, Sơn La, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Quảng Bình, Quảng Trị và Thành phố Đà Nẵng có tỷ lệ cung cấp thông tin cao hơn so với lần đánh giá thứ hai và thứ ba. Tuy nhiên ở lần đánh giá này, tỷ lệ các cơ quan nhà nước ở cấp TW, UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Sở LĐ-TB-XH và Sở TN&MT cung cấp thông tin thấp hơn nhiều so với hai lần đánh giá gần nhất. Nhiều cơ quan nhà nước chưa ban hành quy chế nội bộ công khai và cung cấp thông tin cũng là lý do khiến cho tỷ lệ cung cấp thông tin ở lần đánh giá thứ tư thấp hơn so với lần đánh giá thứ hai và thứ ba.

Bảng 3: Tỷ lệ cơ quan nhà nước phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin

T	Cơ quan nhà nước	Cung cấp			Từ chối cung cấp			Không phản hồi			Khác ³²		
		Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)	Đánh giá lần 4 (2022)	Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)	Đánh giá lần 4 (2022)	Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)	Đánh giá lần 4 (2022)	Đánh giá lần 2 (2020)	Đánh giá lần 3 (2021)	Đánh giá lần 4 (2022)
1	Cơ quan cấp TW	7,4%	22,2%	14,8%	7,4%	14,8%	3,7%	51,9%	44,4%	66,7%	33,3%	18,5%	14,8%
2	UBND cấp tỉnh thuộc 63 tỉnh, thành phố	23,8%	36,5%	7,9%	1,6%	6,3%	1,6%	70,8%	52,4%	55,6%	3,8%	4,8%	34,9%
3	Sở Tư pháp 63 tỉnh, thành phố	19%	44,4%	17,5%	4,8%	4,8%	3,2%	60,3%	38%	66,6%	15,9%	12,7%	12,7%
4	Sở LĐ-TB-XH thuộc 63 tỉnh, thành phố	Không đánh giá	15,9%	9,5%	Không đánh giá	4,8%	7,9%	Không đánh giá	69,8%	46,1%	Không đánh giá	9,5%	36,5%
5	Sở TN&MT thuộc 63 tỉnh, thành phố	Không đánh giá	Không đánh giá	3,2%	Không đánh giá	Không đánh giá	0%	Không đánh giá	Không đánh giá	71,4%	Không đánh giá	Không đánh giá	24,4%
6	Các (94) cơ quan nhà nước thuộc 8 tỉnh, thành phố	10%	21,2%	25,4%	5%	4%	2,1%	75%	56,5%	6%	6%	3%	16%

³² Đại diện một số cơ quan gọi điện hoặc gửi thư điện tử hỏi người yêu cầu về mục đích sử dụng thông tin, giải thích do cơ quan chưa ban hành hoặc không tạo ra thông tin nên không có tài liệu để cung cấp, hoặc khẳng định sẽ trình lãnh đạo về yêu cầu cung cấp thông tin nhưng chưa cung cấp cho đến ngày Nhóm nghiên cứu tổng hợp báo cáo.

Kết quả thử nghiệm yêu cầu cung cấp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2021 do CEPEW phối hợp cùng UNDP thực hiện trong năm 2022 cho thấy, trong số yêu cầu cung cấp thông tin gửi tới 561 văn phòng UBND cấp huyện³³, có 98 cơ quan cung cấp thông tin (chiếm 17,5%), 15 cơ quan từ chối cung cấp thông tin (chiếm 2,7%), 46 cơ quan có phản hồi nghiên cứu viên nhưng không cung cấp thông tin (chiếm 8,2%)³⁴. Số liệu này cho thấy tính tương đồng giữa hai cuộc đánh giá đối với việc tiếp nhận và phản hồi đối với yêu cầu cung cấp thông tin do các Nhóm nghiên cứu thực hiện.

So với lần đánh giá thứ hai và thứ ba, phản hồi của công chức đối với các thành viên Nhóm nghiên cứu ở lần đánh giá thứ tư cho thấy, hầu hết đều có thái độ lịch sự, hoà nhã. Đặc biệt, công chức đại diện cho các Sở Tư pháp thể hiện hiểu biết đầy đủ hơn về Luật TCTT so với lần đánh giá thứ hai và thứ ba. Theo đó, dù cung cấp, từ chối hay gọi điện, gửi thư điện tử để hỏi thêm thông tin liên quan thì thái độ giao tiếp qua điện thoại và thư điện tử của những công chức đều thể hiện sự tôn trọng và lịch sự. Trong nhiều trường hợp, công chức giải thích vì cơ quan chưa ban hành hoặc không

phải là bên tạo ra thông tin [quy chế cung cấp thông tin cho công dân] nên không có tài liệu để cung cấp. Hoặc những tài liệu do Văn phòng UBND tỉnh Sơn La gửi cho thành viên Nhóm nghiên cứu thể hiện cơ quan này đã sử dụng đúng các mẫu biểu đính kèm Nghị định 13/2018/NĐ-CP để phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin của công dân và lập sổ ghi chép việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

iii) Hiểu biết về pháp luật tiếp cận thông tin

So với ba lần đánh giá trước đây, đặc biệt qua trao đổi trực tiếp và khảo sát các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn các địa phương triển khai các mô hình thí điểm cho thấy, số lượng lãnh đạo và công chức thuộc các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hiểu biết về nguyên tắc, quy trình, thủ tục thực hiện quyền TCTT của công dân cao hơn.

Những tài liệu do Văn phòng UBND tỉnh Sơn La³⁵ gửi cho thành viên Nhóm nghiên cứu thể hiện cơ quan này đã sử dụng đúng các mẫu biểu đính kèm Nghị định 13/2018/NĐ-CP để phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin của công dân và lập sổ ghi chép việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân. Bên cạnh đó, UBND thành phố Sơn La, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Sơn La và UBND các phường Chiềng Lè, Chiềng Ngần, Quyết Tâm, Quyết Thắng, Chiềng An và Chiềng Xôm (thuộc thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) đã ban

33 Theo Điều 48 Khoản 2 Điểm c Luật Đất đai năm 2013, UBND cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện và công bố công khai nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện có liên quan đến xã, phường, thị trấn tại trụ sở UBND cấp xã.

34 Nguồn: Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2022). **Đánh giá việc công khai kế hoạch sử dụng đất ở cấp huyện và bảng giá đất ở cấp tỉnh**. Trong loạt Báo cáo nghiên cứu chính sách về Quản trị và Tham gia đồng thực hiện bởi Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW), Công ty phân tích thời gian thực (RTA) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam: Tháng 07 năm 2022

35 UBND tỉnh Sơn La đã tiếp nhận đề nghị phối hợp thúc đẩy thực thi Luật TCTT và Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh cũng như cử lãnh đạo và chuyên viên tham gia hội thảo công bố kết quả đánh giá thực thi Luật TCTT lần thứ 3 vào tháng 9/2021

hành quy chế cung cấp thông tin trong giai đoạn từ tháng 10 đến tháng 12/2021³⁶.

Phản hồi của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố cũng cho thấy, không còn hiện tượng yêu cầu các thành viên Nhóm nghiên cứu giải thích mục đích sử dụng thông tin, cung cấp ảnh chụp thông tin cá nhân hay yêu cầu nộp tiền phí dịch vụ tư pháp mà sớm cung cấp thông tin (trong trường hợp thông tin do Nhóm nghiên cứu yêu cầu đã được tạo ra) hay giải thích lý do không cung cấp thông tin do thông tin chưa được tạo ra. Bên cạnh đó, Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang đã phối hợp cùng Sở Thông tin và truyền thông, UBMTTQVN tỉnh Hà Giang, CEPEW và Viện IPS triển khai thí điểm thực hiện Luật TCTT và Nghị định 42/2022/NĐ-CP tại 06 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh sau khi hiểu về trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cơ quan nhà nước trong thực thi Luật TCTT và nguyên tắc, quy trình, thủ tục trong thực thi quyền TCTT của công dân.

Thông qua các hoạt động truyền thông về Luật TCTT do CEPEW, CDI, LMKS, LMNS và FORLAND, người dân và/hoặc ban giám sát đầu tư cộng đồng các xã Chiềng Lề, Chiềng Ngần, Quyết Tâm, Quyết Thắng, Chiềng An và Chiềng Xôm (thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La), xã Minh Sơn (huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang) và xã Xuân Trạch (huyện Bắc Trạch, tỉnh Quảng Bình) đã thực hiện yêu cầu chính quyền cấp xã công khai thông tin có liên quan. Trên cơ sở thông tin được công khai, Ban giám sát đầu tư cộng đồng xã Minh Sơn đã thực hiện giám sát

³⁶ Các cơ quan này nằm trong khuôn khổ các hoạt động thúc đẩy thực thi Luật TCTT và Luật Bảo vệ môi trường do LMNS phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La thực hiện

việc xây dựng một số công trình phúc lợi trên địa bàn xã.

2.3. Một số tồn tại trong thực thi Luật TCTT

Bên cạnh những nỗ lực và một số kết quả đạt được trên, Nhóm nghiên cứu nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới để Luật TCTT được thực thi có hiệu quả hơn. Cụ thể:

i) Cơ sở hạ tầng và nhân lực cung cấp thông tin trên môi trường số còn bất cập

Kết quả trao đổi với lãnh đạo và công chức, cán bộ của các sở, ngành và tổ chức chính trị-xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Hà Giang cho thấy, trang thiết bị (máy tính, máy in, máy scan và máy photocopy) của Sở TT và TT tỉnh Hà Giang, Văn phòng UBND huyện Bắc Quang và công chức phụ trách công tác công nghệ thông tin của Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Bắc Mê (tỉnh Hà Giang) tương đối hiện đại. Tuy nhiên, trang thiết bị của các cơ quan còn lại có cấu hình thấp (đối với máy tính) hoặc không thể sử dụng (đối với máy scan). Trong khi đó, đường truyền internet của nhiều đơn vị không đáp ứng được yêu cầu của chuyển đổi số và cung cấp thông tin trên môi trường mạng. Trong nhiều trường hợp, công chức cần dành nhiều thời gian để có thể tải văn bản lên cổng/trang thông tin điện tử. Bên cạnh đó, nhiều công chức không thể sử dụng hòm thư điện tử công vụ mà sử dụng hòm thư điện tử cá nhân để giao tiếp với công dân cũng vì lý do này.

Trong số 373 cơ quan được rà soát, có 13 cơ quan chưa xây dựng trang thông tin điện tử.

Cổng thông tin của 09 cơ quan bị lỗi không thể vào được bằng Firefox và Google Chrome. Đối với 360 cổng/trang còn lại, giao diện của các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước đồng cấp hoặc có cùng chức năng chuyên môn, kể cả chuyên mục tiếp cận thông tin, được thiết kế thiếu đồng bộ và thiếu nhất quán cũng gây khó khăn cho công dân khi tìm kiếm thông tin. Đối với các cơ quan đã xây dựng chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai, việc thiết kế các chuyên mục và danh mục không giống nhau giữa các cơ quan cũng thể hiện cách hiểu về Luật TCTT là không giống nhau.

Bên cạnh đó, việc trao quyền quản trị đối với các cổng/trang thông tin điện tử, đặc biệt ở cấp xã là không giống nhau ở các địa phương. Tỉnh Hà Giang đã thiết lập trang thông tin điện tử cho tất cả 193 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh nhưng chưa thể tìm kiếm các trang này qua Google mà phải tìm kiếm qua Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.³⁷ Tuy Nhóm nghiên cứu tìm thấy liên kết các trang thông tin điện tử của UBND cấp xã thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện nhưng các trang này đều chưa được vận hành.^{38,39} Đại diện Văn phòng UBND tỉnh Quảng Bình cho biết, Sở TT và TT của tỉnh đã thiết lập trang thông tin điện tử cho 159 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Nhóm nghiên cứu chỉ tìm thấy trang thông tin điện tử của UBND xã Xuân Trạch

(huyện Bố Trạch) mà không thể tìm thấy trang thông tin điện tử của 158 đơn vị cấp xã còn lại qua công cụ Google hay không tìm thấy liên kết trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Quảng Bình⁴⁰ hay Trang thông tin điện tử của UBND huyện Bố Trạch⁴¹.

Trong khi đó, thông tin được đăng tải rải rác, thiếu đồng bộ và thống nhất ở nhiều chuyên mục khác nhau trên các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước. Kết quả rà soát việc công khai bảng giá đất cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2024 và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2021 trên cổng thông tin điện tử của UBND 63 tỉnh, thành phố và trang thông tin điện tử của UBND 704 quận, huyện, thị xã trên toàn quốc cho thấy, các tài liệu này được đăng tải chậm, không đầy đủ và rải rác ở nhiều chuyên mục, kể cả những cơ quan đã thiết lập chuyên mục thông tin hay danh mục thông tin phải công khai.⁴²

Công chức nghỉ việc trong bối cảnh đại dịch Covid-19 không chỉ xảy ra đối với ngành y tế và giáo dục - đào tạo mà còn xảy ra đối với cả ngành thông tin và truyền thông hay vị trí phụ trách công tác công nghệ thông tin. Nhiều công chức phụ trách công tác văn phòng - thống kê và văn hoá - thông tin ở cấp xã lại không có chuyên môn về công nghệ thông tin

37 Xem: <https://hagiang.gov.vn/Pages/home.aspx> truy cập 15:25 ngày 25/11/2022

38 Xem: <https://chomoi.backan.gov.vn/subsites/pages/49/default.aspx> truy cập 15:35 ngày 25/11/2022

39 Xem: <https://chomoi.backan.gov.vn/subsites/Pages/50/default.aspx> truy cập 15:38 ngày 25/11/2022

40 Xem: <https://quangbinh.gov.vn/> truy cập 13:25 ngày 2/12/2022

41 Xem: <https://botrach.quangbinh.gov.vn/> truy cập 13:28 ngày 2/12/2022

42 Nguồn: Nguồn: Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2022). *Đánh giá việc công khai kế hoạch sử dụng đất ở cấp huyện và bảng giá đất ở cấp tỉnh. Trong loạt Báo cáo nghiên cứu chính sách về Quản trị và Tham gia đồng thực hiện bởi Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW), Công ty phân tích thời gian thực (RTA) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam: Tháng 07 năm 2022*

cũng là một thách thức trong thực hiện công khai thông tin trên môi trường mạng. Những công chức này kiêm nhiệm nhiều công việc, bao gồm việc giải quyết hồ sơ cung cấp dịch vụ công cho công dân nên họ ưu tiên giải quyết hồ sơ cho công dân đúng hạn thay vì dành thời gian để cập nhật thông tin lên trang thông tin điện tử [cấp xã]. Trong khi đó, quy trình cung cấp thông tin cho công dân vẫn chưa được đưa vào bộ thủ tục hành chính công.

ii) Còn nhiều cơ quan nhà nước chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Luật TCTT

Kết quả rà soát các cổng, trang thông tin điện tử của 360 cơ quan nhà nước cho thấy, một tỷ lệ lớn các cơ quan nhà nước vẫn chưa thực hiện tốt những nội dung công việc mà cơ quan mình cần làm theo yêu cầu của Luật TCTT. Cụ thể, Nhóm nghiên cứu chưa tìm thấy quy chế cung cấp thông tin của 81,7% cơ quan, chưa tìm thấy đầu mối cung cấp thông tin của 80% cơ quan, chưa tìm thấy chuyên mục TCTT của 77,8% cơ quan và chưa tìm thấy danh mục thông tin phải công khai của 88,9% cơ quan. Trong số ít những cơ quan nhà nước đã thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai, chỉ một số rất ít chuyên mục hay danh mục được thiết lập đúng với yêu cầu của Luật TCTT như chuyên mục của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh Bến Tre, UBND xã Minh Sơn (huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang) và UBND xã Xuân Trạch (huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình) và/hoặc thực hiện công khai thông tin một cách cập nhật như Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Bắc Ninh, Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Bến Tre. Hầu hết chuyên

mục TCTT và danh mục thông tin của các cơ quan nhà nước còn lại đều chưa đúng với quy định tại các điều 17, 19 và 34 Luật TCTT và Điều 6 Nghị định 13/2018/NĐ-CP. Một số cơ quan chỉ sao chép Điều 17 hoặc Điều 19 của Luật TCTT và giới thiệu là danh mục thông tin phải công khai mà chưa hiểu rằng danh mục này phải bao gồm số hiệu văn bản, ngày ban hành, ngày có hiệu lực, đính kèm các văn bản và phải được cập nhật thường xuyên.

Đối với yêu cầu cung cấp thông tin gửi qua thư điện tử và đường bưu điện, có 56,5% cơ quan nhà nước chưa phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin của Nhóm nghiên cứu. Con số này có thấp hơn đánh giá lần thứ hai (75%) và lần thứ ba (71,7%) nhưng vẫn còn cao so với yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Tương tự đối với đánh giá do CEPEW và UNDP thực hiện trong năm 2022, 71,7% trong số 561 văn phòng UBND cấp huyện không phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2021 cho Nhóm nghiên cứu.⁴³

⁴³ Nguồn: Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2022). **Đánh giá việc công khai kế hoạch sử dụng đất ở cấp huyện và bảng giá đất ở cấp tỉnh.** Trong loạt Báo cáo nghiên cứu chính sách về Quản trị và Tham gia đồng thực hiện bởi Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW), Công ty phân tích thời gian thực (RTA) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam: Tháng 07 năm 2022

iii) Các cơ quan dân cử và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đưa nội dung giám sát việc thực thi Luật TCTT vào kế hoạch giám sát năm 2022

Tương tự như đánh giá lần thứ hai và thứ ba, kết quả trao đổi với đại diện các cơ quan dân cử và các tổ chức chính trị - xã hội tại Hà Giang và Quảng Bình cũng như phân tích nghị quyết về chương trình giám sát năm 2022 của các cơ quan dân cử trên địa bàn 8 tỉnh/thành phố được thực hiện đánh giá lần thứ hai, thứ ba và thứ tư cho thấy, các cơ quan này chưa đưa nội dung giám sát việc thực thi Luật TCTT vào kế hoạch giám sát năm 2022.

Trao đổi giữa Nhóm nghiên cứu với đại biểu chuyên trách thuộc HĐND tỉnh Hà Giang cũng như UBMTTQVN và Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) Việt Nam của các huyện và xã thuộc tỉnh Hà Giang và Quảng Bình trong chuyến khảo sát thực địa cũng cho thấy, các tổ chức này không đưa việc giám sát thực thi Luật TCTT vào kế hoạch và nội dung giám sát năm 2022 của tổ chức mình.

Nghiên cứu Nghị quyết số 105/2020/QH14⁴⁴ cho thấy việc thực thi Luật TCTT hay bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân chưa được thể hiện trong Chương trình giám sát năm 2022 của Quốc hội. Tương tự, Nhóm nghiên cứu nhận thấy, nội dung giám sát thực thi quyền tiếp cận thông tin của công dân và/hoặc Luật TCTT cũng chưa được đưa vào các nghị quyết giám sát năm 2022 của HĐND thuộc 8 tỉnh, thành phố.

44 Nghị quyết số 09/2021/QH15 ngày 25/7/2021 của Quốc hội Khoá XV về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2022

iv) Người dân còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận thông tin

Tỷ lệ người dân sử dụng internet và các thiết bị di động ngày càng cao. Tuy nhiên, Đánh giá nhu cầu thực thi Luật TCTT và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Hà Giang⁴⁵ cho thấy, vẫn còn nhiều thôn ở Hà Giang chưa có điện lưới nên người dân không thể tiếp cận thông tin thông qua đài, tivi hay điện thoại thông minh. Trong khi đó, nhiều người dân, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số có thể nghe, hiểu nhưng không thể đọc, viết tiếng Việt phổ thông. Do đó, việc các cơ quan nhà nước chủ yếu đăng tải văn bản với phiên bản PDF mà không đính kèm phiên bản WORD, đồng thời không cài đặt phần mềm đọc audio trên cổng/trang thông tin điện tử của mình là một hạn chế đối với nhóm người dân này trong tiếp cận thông tin trên môi trường mạng.

Như đề cập ở trên, việc đăng tải văn bản rải rác ở các chuyên mục khác nhau, đăng tải không đồng bộ và không đầy đủ cũng hạn chế khả năng tìm kiếm thông tin của công dân. Kết quả “Đánh giá việc công khai thông tin kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và bảng giá đất cấp tỉnh” cũng cho thấy các văn bản này được đăng tải không đồng nhất trên cùng một chuyên mục mà đăng rải rác và không đầy đủ ở nhiều chuyên mục trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh và trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện trên cả nước.⁴⁶

45 CEPEW, IPS (2022), Báo cáo đánh giá nhu cầu thực thi Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Hà Giang

46 Nguồn: Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2022). **Đánh giá việc công khai kế hoạch sử dụng đất ở cấp huyện và bảng giá đất ở cấp tỉnh.**

Kênh tiếp cận thông tin thông qua trưởng thôn, bản vẫn còn phổ biến đối với người dân, đặc biệt người dân sống ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa của các tỉnh Quảng Bình và Hà Giang. Tuy nhiên, kênh này không thể tiếp cận tới tất cả các hộ dân. Bên cạnh đó, người dân cũng có thể gặp lãnh đạo và công chức công tác tại UBND cấp xã để hỏi thông tin. Trong nhiều trường hợp, đường sá đi lại khó khăn cũng cản trở người dân tiếp cận thông tin, đặc biệt là những phụ nữ không thể tự đi xe máy.

03

KHUYẾN NGHỊ

3.1. Tới Chính phủ

- Chỉ đạo bổ sung việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân vào bộ các thủ tục hành chính mà Chính phủ đang nỗ lực thúc đẩy để các cơ quan nhà nước các cấp thực hiện;
- Hướng dẫn Văn phòng Chính phủ, các bộ và cơ quan ngang bộ, UBND các địa phương đưa Luật TCTT vào diện ưu tiên để Hội đồng Phối hợp giáo dục, phổ biến pháp luật các cấp dành nguồn lực triển khai thực thi Luật này. Trong đó, tập trung tập huấn 9 nội dung công việc mỗi cơ quan nhà nước cần làm được quy định trong Luật TCTT và Nghị định 13/2018/NĐ-CP cho các đầu mối cung cấp thông tin để bảo đảm các cơ quan nhà nước thực hiện sớm nhất việc công khai thông tin và cung cấp thông tin khi người dân yêu cầu.

3.2 .Tới Bộ Tư pháp

- Tổ chức họp/hội thảo có sự tham gia của đại diện các cơ quan chức năng để thảo luận, quán triệt việc phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin, xây dựng và công khai quy chế cung cấp thông tin, thiết lập chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai, thông tin cung cấp có điều kiện;

- Phối hợp cùng Bộ TT&TT xây dựng tiêu chí đánh giá việc công khai thông tin được quy định tại Điều 17 và Điều 19 của Luật TCTT trên môi trường số đối với những cơ quan nhà nước đã có cổng/trang thông tin điện tử;

3.3. Tới Bộ Thông tin và Truyền thông

- Sớm xây dựng và ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, trong đó:
 - Hướng dẫn xây dựng [đối với các cơ quan nhà nước chưa có trang thông tin điện tử] hoặc nâng cấp các cổng/trang thông tin điện tử đã có với giao diện thống nhất giữa các cơ quan nhà nước đồng cấp và/hoặc có cùng chức năng chuyên môn để các cơ quan nhà nước đăng tải thông tin một cách đồng bộ cho người dân dễ tìm kiếm;
 - Có hướng dẫn thiết lập chuyên mục tiếp cận thông tin và danh mục thông tin phải công khai, danh mục thông tin cung cấp có điều kiện theo yêu cầu của Luật TCTT và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP một cách đồng bộ và ở vị trí dễ nhìn thấy trên trang chủ của các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước.

3.4. Tới UBND các tỉnh/ thành phố

- Thành lập Tổ công tác do Sở Tư pháp làm thường trực với các thành viên là các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin trên địa bàn để kịp thời thảo luận, hướng dẫn, tháo gỡ hoặc đề xuất chủ trương về những vấn đề liên quan đến thực thi Luật TCTT;
- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin khẩn trương:
 - Xây dựng, ban hành và công khai quy chế cung cấp thông tin nội bộ; danh mục các tài liệu bắt buộc phải công khai, danh mục thông tin cung cấp có điều kiện; thiết lập mục, trang cung cấp thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan mình;
 - Phân công người làm đầu mối cung cấp thông tin và bộ phận làm đầu mối cung cấp thông tin; công khai các thông tin của đơn vị/cán bộ đầu mối trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan mình;
 - Tăng cường giáo dục, phổ biến Luật TCTT tới cán bộ, công chức, viên chức các cấp, đặc biệt nhấn mạnh 9 nội dung công việc mà mỗi cơ quan nhà nước là đầu mối cung cấp thông tin trên địa bàn cần làm để thực thi tốt hơn Luật TCTT tới các cơ quan chuyên môn và các địa phương.

- Xây dựng và phân bổ kinh phí để phổ biến 9 nội dung công việc mà các cơ quan nhà nước cần làm theo quy định của Luật TCTT và nâng cấp cơ sở hạ tầng công khai, cung cấp thông tin cho công dân.

3.5. Tới Quốc hội và HĐND các cấp

- Tổ chức giám sát việc bảo đảm quyền TCTT của công dân theo quy định tại Điều 13 Luật TCTT trong năm 2023 và yêu cầu Chính phủ, UBND các cấp đưa nội dung liên quan đến tình hình bảo đảm thực thi quyền TCTT của công dân vào báo cáo phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Quốc hội và HĐND xem xét, đặc biệt trong bối cảnh tròn 5 năm Luật này có hiệu lực (vào ngày 1/7/2023) và lần thứ hai Chính phủ trình Quốc hội báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (vào năm 2024);
- Phê duyệt kinh phí để UBND và sở/phòng/công chức tư pháp tổ chức phổ biến 9 nội dung công việc mà các cơ quan nhà nước trên địa bàn cần làm theo quy định của Luật TCTT và nâng cấp cơ sở hạ tầng công khai, cung cấp thông tin cho công dân.

3.6. Tới các tổ chức chính trị - xã hội

- Bổ sung nội dung giám sát việc thực hiện Luật TCTT, đặc biệt giám sát việc thực hiện 9 nội dung mỗi cơ quan nhà nước cần làm vào kế hoạch giám sát năm 2023 nhằm thúc đẩy việc thực hiện Luật TCTT của cơ quan nhà nước các cấp;

- Tổ chức phổ biến Luật TCTT và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP cho hội viên và người dân trong đó nhấn mạnh những nội dung về quyền tiếp cận thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra một cách kịp thời, đầy đủ và chính xác và cách thức thực hiện yêu cầu thông tin, bao gồm quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo và những nội dung công việc các cơ quan nhà nước cần làm để bảo đảm công khai thông tin và cung cấp thông tin khi người dân yêu cầu. Phổ biến các thực hành tốt trong cung cấp thông tin để khuyến khích tính minh bạch, công khai và giải trình của các cơ quan nhà nước. Phổ biến các trường hợp yêu cầu thông tin thành công để tăng sự tin cậy của người dân vào cơ quan nhà nước và khuyến khích người dân thực hành quyền tiếp cận thông tin;
- Hướng dẫn hội viên và người dân sử dụng điện thoại thông minh để tìm kiếm thông tin;
- Khuyến khích hội viên, người dân thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin để góp phần thúc đẩy các cơ quan nhà nước thực hiện công khai thông tin và phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin cho công dân một cách kịp thời.

3.7. Tới các tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu và các trường đại học

- Thực hành yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định của Luật TCTT để từ đó thúc đẩy các cơ quan nhà nước thực hiện trách nhiệm như Luật đã quy định, đặc biệt thúc đẩy cơ quan nhà nước cập nhật thông tin trên danh mục những thông tin phải công khai;
- Phổ biến các thực hành tốt trong thực thi Luật TCTT, bao gồm các thực hành tốt của các cơ quan nhà nước và các ví dụ về người dân yêu cầu cung cấp thông tin thành công để khuyến khích người dân thực hành quyền này, đặc biệt ở các lĩnh vực có nhu cầu rõ rệt như nghiên cứu, báo chí, và hỗ trợ pháp lý;
- Thúc đẩy người dân TCTT thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, từ đó tăng cường sự tham gia của người dân;
- Tiếp tục tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm và kết quả đánh giá việc thực thi Luật TCTT hàng năm.

Phụ lục

NỘI DUNG CÔNG VIỆC MỖI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CẦN LÀM ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG KHAI VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Tài liệu này được biên soạn dành cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm, nghĩa vụ công khai và cung cấp thông tin⁴⁷ dựa trên quy định của Luật TCTT 2016, Nghị định 13/2018/NĐ-CP và Thông tư 46/2018/TT-BTC. Dưới đây là 09 nội dung công việc mỗi cơ quan nhà nước cần làm để thực hiện công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân:

1) Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình⁴⁸, gồm các nội dung chính sau đây:

- Xác định đầu mối cung cấp thông tin
- Xác định quy trình chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin được cung cấp, cung cấp có điều kiện và không được cung cấp
- Cập nhật thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu
- Xác định trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin giữa đơn vị đầu mối với đơn vị phụ trách cơ sở dữ liệu thông tin và các đơn vị có liên quan.

2) Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin⁴⁹

3) Bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người không biết chữ, người khuyết tật, người gặp khó khăn khác trong việc điền phiếu, ký phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; giúp điền phiếu yêu cầu cung cấp thông tin trường hợp người yêu cầu không thể viết phiếu yêu cầu⁵⁰

4) Lập chuyên mục tiếp cận thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan⁵¹,⁵² trong đó, có cung cấp chức năng cơ bản để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc tiếp cận thông tin đăng tải trên các cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử⁵³

47 Điều 9 Luật TCTT, Khoản 1 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP, Điều 3 Luật TCTT

48 Điểm h Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

49 Khoản 1 Điều 33, Điểm m Khoản 1 Điều 17 Luật TCTT, Khoản 1 Điều 8 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

50 Khoản 6 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

51 Khoản 3 Điều 6 Luật TCTT và Khoản 1 Điều 11 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

52 Tham khảo: <http://www.bentre.gov.vn/Pages/Homepage.aspx> hoặc <https://moj.gov.vn/Pages/home.aspx>

53 Khoản 2 Điều 3 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

- 5) Lập, duy trì và cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện^{54, 55, 56}
- 6) Trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin bao gồm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho người khuyết tật^{57, 58, 59, 60, 61}
- 7) Thực hiện công khai thông tin⁶² và cung cấp thông tin theo yêu cầu⁶³
- 8) Giải quyết khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong việc tiếp cận thông tin⁶⁴
- 9) Mở sổ theo dõi và xây dựng báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin⁶⁵

54 Điểm b Khoản 1 Điều 34, Khoản 3 Điều 19 Luật TCTT và Điều 6 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

55 Tham khảo: <http://www.bentre.gov.vn/Pages/CanBiet.aspx?ID=2682> và <https://moj.gov.vn/tctt/Pages/Index.aspx>

56 Tham khảo: <http://vpcp.chinhphu.vn/documents/z6.vgp>

57 Điều 9 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

58 Khoản 6 Điều 8 và Khoản 4 Điều 3 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

59 Điều 40 Luật Người khuyết tật

60 Bộ tiêu chuẩn QCVN10:2014/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

61 Khoản 6 Điều 33 Luật TCTT

62 Chương II Luật TCTT

63 Chương III Luật TCTT

64 Điều 14, Điều 15, Điểm k Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT và Khoản 4 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

65 Khoản 2 Điều 13 và Điểm l Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT, Khoản 5 Điều 8 và Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

